



tóu zi
头子

noun · chief, ringleader (often derogatory)

Example Sentences

Tā shì nà gè fàn zuì tuán huǒ de tóu zi
他是那个犯罪团伙的头子。

He is the ringleader of that criminal gang.

Zhè gè bāng pài de tóu zi bèi zhuā le
这个帮派的头子被抓了。

The chief of this gang was caught.

Trace each character, then write the word on your own.

头	头	头	头	头	头	头	头												
子	子	子	子	子	子														